

HIẾU THẢO VỚI CHA MẸ RUỘT, CHA MẸ VỢ/CHỒNG VÀ CẢM NHẬN HẠNH PHÚC

Trương Thị Khánh Hà

Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Dựa trên lý thuyết về mô hình hiếu thảo hai thành tố, nghiên cứu sử dụng Thang đo Hiếu thảo kép (Dual Filial Piety Scale, Yeh và Bedford, 2003) khảo sát 336 người đang trong mối quan hệ hôn nhân, tuổi từ 21 đến 59 ($M = 32,53$; $SD = 7,23$); nữ giới chiếm 75% (252 người) về tầm quan trọng của hiếu thảo đối với cha mẹ ruột và cha mẹ vợ/chồng. Đồng thời nghiên cứu cũng sử dụng thang Phổ sức khỏe tinh thần rút gọn (Mental Health Continuum - Short Form, Keyes, 2002) để tìm hiểu cảm nhận hạnh phúc của các khách thể. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiếu thảo với cha mẹ ruột và hiếu thảo với cha mẹ vợ/chồng có tương quan thuận và chặt chẽ với nhau. Cả nam và nữ đều có điểm số thang đo hiếu thảo với cha mẹ ruột cao hơn hiếu thảo với cha mẹ vợ/chồng. Tác động trực tiếp của hiếu thảo đến cảm nhận hạnh phúc là tích cực nhưng khá yếu. Hiếu thảo tương hỗ đối với cha mẹ vợ/chồng ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của những người con rể, con dâu cao hơn so với hiếu thảo độc đoán. Trong khi hiếu thảo độc đoán đối với cha mẹ ruột ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của những người con ruột cao hơn so với hiếu thảo tương hỗ. Kết quả nghiên cứu cho thấy mối quan hệ đan xen, nhiều chiều của hiếu thảo trong cuộc sống gia đình.

Từ khóa: Hiếu thảo; Cha mẹ ruột; Cha mẹ vợ/chồng; Cảm nhận hạnh phúc.

Ngày nhận bài: 20/3/2026; Gửi phản biện: 24/3/2026; Ngày duyệt đăng bài: 11/05/2026.

1. Đặt vấn đề

1.1. Hiếu thảo với cha mẹ

Hiếu thảo là một khái niệm được nhiều nghiên cứu phân tích và hiểu theo nhiều cách khác nhau. Nhiều tác giả cho rằng hiếu thảo là một khái niệm trong Nho giáo xuất hiện đầu tiên ở Trung Quốc (Hwang, 1999; Chen, 2014), nhưng một số tác giả khác lại cho rằng hiếu thảo là giá trị văn hóa mang tính phổ quát ở nhiều nền văn hóa khác nhau (Li, Singh, Keerthigha, 2021). Tác giả Hwang (1999) cho rằng hiếu thảo là thái độ và hành vi của người con trưởng thành thể hiện sự kính trọng và vâng lời cha mẹ. Chen (2014) lại cho rằng hiếu thảo là những đức tính và trách nhiệm quan trọng của con cái trong việc tôn trọng, chăm sóc và mang lại vinh dự cho gia đình.

Xuất phát từ nét đặc trưng văn hóa của hiếu thảo với hai nguyên tắc đạo đức cơ bản là: (1) đối xử tốt với cha mẹ vì lòng biết ơn đối với tình yêu và sự hy sinh của họ; và (2) kính trọng, vâng lời cha mẹ vì vị trí cao hơn của họ trong thứ bậc của gia đình (xem Yeh, 2009), các tác giả Yeh và Bedford đã xây dựng mô hình hiếu thảo kép (Dual Filial Piety Model - DFPM) gồm hai chiều cạnh là Hiếu thảo tương hỗ và Hiếu thảo độc đoán.

Hiếu thảo tương hỗ được hình thành dựa trên nguyên tắc *quan tâm, yêu thương* cha mẹ. Nguyên tắc này cho rằng sự tương tác cha mẹ - con được thúc đẩy bởi tình cảm tự nhiên và sự cho đi nhận lại. Tuy nhiên, bởi vì cha mẹ đã có công lao sinh thành và nuôi dưỡng con cái, cho nên những đứa con có thể báo đáp cha mẹ bằng lòng hiếu thảo thông qua việc yêu thương, quan tâm, chăm sóc cha mẹ khi về già.

Hiếu thảo độc đoán được hình thành dựa trên nguyên tắc *kính trọng* cha mẹ. Nguyên tắc này cho rằng con phải vâng lời cha mẹ, có nghĩa vụ phải thực hiện những mong muốn của cha mẹ, làm cho cha mẹ vui lòng (Yeh và Bedford, 2003; Bedford và Yeh, 2019). Dựa trên mô hình này, các tác giả Yeh và Bedford (2003) đã xây dựng thang đo hiếu thảo kép (Dual Filial Piety Scale - DFPS), trong đó chứa đựng các mệnh đề về niềm tin, suy nghĩ, cảm xúc, hành vi của người con trưởng thành đối với cha mẹ trong những bối cảnh khác nhau của cuộc sống, thể hiện hai chiều cạnh hiếu thảo tương hỗ và hiếu thảo độc đoán.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng cách tiếp cận và thang đo hiếu thảo kép (Yeh và Bedford, 2003; Bedford và Yeh, 2019). Hiếu thảo ở những người con trưởng thành trong nghiên cứu này được hiểu là những mô hình ổn định về niềm tin, suy nghĩ, cảm xúc, hành vi, thể hiện tình yêu thương và sự kính trọng đối với cha mẹ, diễn ra trong những bối cảnh nhất định.

Trong thời đại công nghiệp hóa, một số nhà nghiên cứu cho rằng niềm tin hiếu thảo có thể bị suy yếu đi cùng với sự đi lên của lối sống ưu tiên các giá trị cá nhân. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cho thấy giá trị hiếu thảo ở các nước châu Á, trong đó có Việt Nam, không hề giảm sút, và sự giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vẫn được giữ vững (Yeh, 2009; Lê Văn Hảo, 2016; Mai Văn Hải, 2018).

Trong nghiên cứu về bổn phận hiếu thảo của con với cha mẹ, Lê Văn Hảo (2016) chỉ ra cả hai nhóm cha mẹ và con tuổi thanh thiếu niên đều đánh giá cao nghĩa vụ hiếu thảo. Kết quả nghiên cứu của Mai Văn Hải (2018) cho thấy cha mẹ Việt Nam dù sống ở Việt Nam hay sống ở nước ngoài đều nhấn mạnh (với điểm số cao nhất) nghĩa vụ hiếu thảo của con cái.

Sang thế kỷ XXI, hiếu thảo vẫn là một trong những đức tính quan trọng nhất ở nhiều quốc gia Nho giáo, nó không chỉ nêu rõ các chuẩn mực trong gia đình mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an sinh cho cha mẹ già (Miller, 2004; Wang, 2004). Ở Việt Nam, việc chăm sóc và hỗ trợ cha mẹ già phần lớn dựa vào gia đình. Đạo lý truyền thống uống nước nhớ nguồn, nhớ ơn công lao sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ ở Việt Nam coi việc hỗ trợ tài chính, chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho cha mẹ khi về già là trách nhiệm cơ bản, tự nhiên của mỗi người con. Hiếu thảo luôn là một nguyên tắc đạo đức quan trọng, là cốt lõi của luân lý gia đình Việt (Lê Ngọc Văn, 2011). Chính vì vậy, có thể nói hiếu thảo đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an sinh cho người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số hiện nay, khi phúc lợi xã hội và các dịch vụ công cộng dành cho người cao tuổi còn hạn chế.

1.2. Hiếu thảo với cha mẹ ruột và cha mẹ vợ/chồng

Trong suốt một thời gian dài, hệ thống gia trưởng của Nho giáo coi trọng con trai hơn con gái và đặt trách nhiệm chính cho con trai trong việc chăm sóc gia đình, dòng họ, trong khi trách nhiệm của con gái được chuyển cho gia đình chồng sau khi kết hôn. Theo truyền thống, vợ của người con trai (con dâu) có vai trò hết sức quan trọng để thực hiện các nghĩa vụ hiếu thảo đối với cha mẹ của người chồng, chứ không phải với cha mẹ ruột của mình (Liu và Kendig, 2000). Các nghiên cứu còn cho thấy có sự tương hỗ và trao đổi giữa cha mẹ và con. Những người con trai thường được cha mẹ ưu ái về mặt kinh tế và pháp lý để đổi lại sự chăm sóc khi cha mẹ về già. Sự khác biệt trong thừa kế được gắn với mức độ hỗ trợ cha mẹ của những người con (Ng, Phillips và Lee, 2002). Tuy nhiên, mô hình gia trưởng này đã có sự thay đổi theo thời gian. Sự giao thoa văn hóa và biến đổi xã hội nhanh chóng từ cuối thế kỷ XX đã góp phần thay đổi chế độ phụ hệ phong kiến với sự bất bình

đẳng giới bằng những thay đổi về hiến pháp và pháp lý. Người phụ nữ có quyền bình đẳng dân sự như nam giới và những người con gái chia sẻ trách nhiệm đối với cha mẹ ruột của mình bình đẳng với những người con trai (Ikels, 2004; Miller, 2004; Wang, 2004).

Những nghiên cứu đầu thế kỷ XXI cũng cho thấy không có một mô hình duy nhất nào đặc trưng cho các quốc gia có truyền thống Nho giáo trong việc chăm sóc cha mẹ già. Ở Hong Kong, Lee, Yu, Sun và Liu (2000) báo cáo rằng, hầu hết người già thường dựa vào con trai nhiều hơn con gái trong những trường hợp khủng hoảng và bệnh tật. Tuy nhiên, trong khi 35% số người phản hồi coi con trai là người chăm sóc chính của họ, thì có đến 17,1% coi con gái họ là những người hữu ích nhất khi gặp khó khăn hoặc bệnh tật. Chỉ có 2,7% cho là con rể hay con dâu của họ là những người chăm sóc chính. Kết quả nghiên cứu của Yu, Shilong, Zehuai và Lie (2000) tại Quảng Châu (Trung Quốc) cho thấy tỷ lệ con trai và con gái tham gia vào việc chăm sóc cha mẹ già là tương đương nhau và con gái tham gia vào việc chăm sóc cha mẹ ruột của họ nhiều hơn so với trong quá khứ. Ng và cộng sự, (2002) nghiên cứu tại một thị trấn ở Hồng Kông, cho biết, cha mẹ nhận được sự hỗ trợ chăm sóc hàng ngày từ con gái nhiều hơn, đặc biệt là khi con gái sống cùng với họ. Một nghiên cứu thực hiện ở nông thôn Trung Quốc cho thấy nhiều cha mẹ già cho rằng con gái của họ hiếu thảo hơn con trai. Một số cha mẹ già hài lòng về mối quan hệ với con gái trưởng thành hơn con trai trưởng thành do có nhiều xung đột giữa cha mẹ già và con trai/ con dâu. Nghiên cứu này còn cho thấy con gái thường giúp hòa giải mối quan hệ giữa cha mẹ già với con trai/con dâu (Shi, 2009).

Ở Việt Nam, từ lâu đã có câu thành ngữ “Con gái là con người ta, con dâu mới thật mẹ cha đưa về” thể hiện quan điểm truyền thống khá tương đồng với các nước có văn hóa Nho giáo rằng con dâu có vai trò quan trọng trong việc nội trợ gia đình và chăm sóc cha mẹ chồng, còn con gái sau khi lấy chồng sẽ chăm lo cho gia đình chồng của cô ấy. Mặc dù ở Việt Nam chưa có nghiên cứu về những đặc điểm giới trong việc chăm sóc cha mẹ ruột và cha mẹ vợ/chồng sau khi kết hôn, nhưng quan sát thực tiễn có thể cho chúng ta thấy người phụ nữ ngày càng có vai trò bình đẳng hơn trong xã hội và trong gia đình. Sự thay đổi này có thể đã ảnh hưởng đến lòng hiếu thảo của những người con trai và con gái đối với cha mẹ ruột và cha mẹ vợ/chồng. Nghiên cứu này nhằm trả lời hai câu hỏi:

(1). Có sự tương đồng và khác biệt nào về hiếu thảo đối với cha mẹ ruột và cha mẹ vợ/chồng ở những người con đã kết hôn?

(2). Hiếu thảo với cha mẹ ruột và cha mẹ vợ/chồng có ảnh hưởng thế nào đến cảm nhận hạnh phúc của những người con?

2. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Khảo sát được tiến hành ở các lớp vừa học vừa làm thuộc các chuyên ngành khác nhau ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, với phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Những người tham gia khảo sát đã được thông tin về mục tiêu và nội dung nghiên cứu. Các bảng hỏi hoàn toàn khuyết danh, không ghi tên người trả lời, các thông tin thu được chỉ nhằm mục đích nghiên cứu khoa học. Khảo sát được bắt đầu bằng việc hướng dẫn cách trả lời bảng hỏi và một số thông tin nhân khẩu. Tiếp theo là thang đo hiếu thảo được hỏi riêng biệt đối với cha mẹ ruột và cha mẹ vợ/chồng. Sau khi

loại bỏ những khách thể chưa kết hôn, hoặc kết hôn nhưng đã ly hôn/ly thân, mẫu nghiên cứu gồm 336 khách thể đã kết hôn và đang trong mối quan hệ hôn nhân.

Bảng 1: Đặc điểm mẫu nghiên cứu (N = 336)

Đặc điểm		M/n	SD/%
Tuổi	Từ 21 đến 59	32,53	7,23
Giới tính	Nam	84	25,0
	Nữ	252	75,0
Sống riêng/ Sống cùng cha mẹ	Sống riêng - gia đình hạt nhân	199	59,2
	Sống cùng với cha mẹ của người chồng	88	26,2
	Sống cùng với cha mẹ của người vợ	49	14,6

2.2. Công cụ nghiên cứu

2.2.1. Thang đo Hiếu thảo

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng thang đo hiếu thảo kép (Dual Filial Piety Scale - DFPS) bao gồm 16 mệnh đề do Yeh và Bedford (2003) xây dựng. Tám mệnh đề đo lường hiếu thảo tương hỗ và tám mệnh đề khác đo lường hiếu thảo độc đoán. Các mệnh đề của Hiếu thảo tương hỗ thể hiện sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ cha mẹ (ví dụ: *Thường xuyên quan tâm đến tình trạng sức khỏe của cha mẹ tôi; Thường xuyên nói chuyện với cha mẹ tôi để hiểu được suy nghĩ và cảm xúc của họ; Biết ơn cha mẹ vì đã nuôi dưỡng tôi*). Các mệnh đề của Hiếu thảo độc đoán thể hiện nghĩa vụ, sự phục tùng, và sự tuân thủ quyền tuyệt đối của cha mẹ (ví dụ: *Nghe theo/làm theo những đề nghị của cha mẹ tôi ngay cả khi tôi không đồng ý với chúng; Đáp ứng mong đợi của cha mẹ tôi kể cả khi phải từ bỏ ước mơ của bản thân; Làm bất cứ điều gì cha mẹ tôi yêu cầu ngay lập tức*). Ngoài ra, bảng hỏi còn đưa ra những phát biểu của những người con đã trưởng thành về những việc họ cần làm đối với cha mẹ họ, và đề nghị người trả lời - với tư cách là người con trưởng thành - đánh giá xem những việc làm đó quan trọng mức nào đối với họ. Với các phương án từ 1- *Rất không quan trọng với tôi* đến 7- *Rất quan trọng với tôi*. Thang đo đã được thích ứng trên khách thể Việt Nam (xem Trương Thị Khánh Hà, 2025).

2.2.2. Thang đo Cảm nhận hạnh phúc

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng thang Phổ sức khỏe tinh thần rút gọn (Mental Health Continuum - Short Form) gồm 14 mệnh đề như những đại diện tiêu biểu nhất cho từng khía cạnh của cảm nhận hạnh phúc (Keyes, 2002). Thang đo bao gồm: 3 mệnh đề đo lường hạnh phúc cảm xúc (ví dụ: *Bạn cảm thấy hạnh phúc; Bạn cảm thấy yêu thích cuộc sống*); 5 mệnh đề đo lường hạnh phúc xã hội (ví dụ: *Bạn cảm thấy rằng bạn đã đóng góp một điều gì đó quan trọng cho xã hội; Bạn thấy rằng cách vận hành của xã hội có ý nghĩa với bạn*) và 6 mệnh đề đo hạnh phúc tâm lý (ví dụ: *Bạn cảm thấy rằng bạn có những mối quan hệ tin tưởng và ấm áp với những người khác; Bạn thấy rằng bạn đã vượt qua thử thách để phát triển và trở thành người tốt hơn; Bạn cảm thấy cuộc sống của bạn có định hướng và có ý nghĩa*). Điểm trung bình của cả 14 mệnh đề được coi là điểm cảm nhận hạnh phúc nói chung. Thang đo phiên bản tiếng Việt đã được thích ứng và sử dụng trong một số nghiên cứu ở Việt Nam (Trương Thị Khánh Hà, 2015).

3. Kết quả nghiên cứu

Để trả lời cho câu hỏi thứ nhất, chúng tôi tiến hành một số phép phân tích mô tả so sánh. Trước hết, kết quả nghiên cứu cho thấy điểm trung bình của Hiếu thảo tương hồ ($M = 6,25$) cao hơn so với điểm trung bình của Hiếu thảo độc đoán ($M = 3,27$), chứng tỏ những người trưởng thành đã kết hôn cho rằng hiếu thảo thể hiện sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc, và giúp đỡ cha mẹ quan trọng hơn so với hiếu thảo thể hiện nghĩa vụ, sự phục tùng, và sự tuân thủ quyền tuyệt đối của cha mẹ.

So sánh giữa nam và nữ (bảng 2) cho thấy, nữ có quan niệm hiếu thảo tương hồ với cả cha mẹ ruột và cha mẹ chồng đều cao hơn nam; trong khi không có sự khác biệt trong quan niệm về hiếu thảo độc đoán. Kết quả này cho thấy phụ nữ coi trọng khía cạnh quan tâm, yêu thương, chăm sóc, và giúp đỡ cha mẹ hơn nam giới. Sự khác biệt này tuy nhỏ nhưng có ý nghĩa thống kê.

Bảng 2: Quan niệm hiếu thảo của nam và nữ đối với cha mẹ ruột và cha mẹ vợ/chồng ($N = 336$)

Hiếu thảo	Giới tính	M	SD	p
Hiếu thảo tương hồ với cha mẹ ruột	Nam (84)	6,30	0,48	0,002
	Nữ (252)	6,50	0,48	
Hiếu thảo tương hồ với cha mẹ vợ/chồng	Nam (84)	6,08	0,61	0,031
	Nữ (252)	6,25	0,63	
Hiếu thảo độc đoán với cha mẹ ruột	Nam (84)	3,67	0,96	0,177
	Nữ (252)	3,50	1,10	
Hiếu thảo độc đoán với cha mẹ vợ/chồng	Nam (84)	3,15	1,04	0,912
	Nữ (252)	3,13	1,12	

Tiếp theo, chúng tôi sử dụng phép so sánh tương quan theo cặp giữa hiếu thảo với cha mẹ ruột và hiếu thảo với cha mẹ vợ/chồng ở nam và nữ (bảng 3 và bảng 4).

Bảng 3: Hiếu thảo của Nam giới đối với cha mẹ ruột và cha mẹ vợ ($n = 84$)

So sánh theo cặp		Tương quan (r)	M	SD	t (df)	p
Cặp 1	Hiếu thảo tương hồ: với cha mẹ ruột và với cha mẹ vợ	0,756	6,30	0,48	5,04 (83)	< 0,001
			6,08	0,61		
Cặp 2	Hiếu thảo độc đoán: với cha mẹ ruột và với cha mẹ vợ	0,827	3,67	0,96	7,97 (83)	< 0,001
			3,15	1,04		

Kết quả bảng 3 cho thấy hiếu thảo với cha mẹ ruột và với cha mẹ vợ ở nam giới có tương quan thuận chặt chẽ với nhau. Điều này cho thấy nam giới hiếu thảo với cha mẹ ruột thì cũng hiếu thảo với cha mẹ vợ. Bên cạnh đó, sự khác biệt có ý nghĩa ($p < 0,001$) cho thấy

nam giới đánh giá hiếu thảo với cha mẹ ruột (ở cả hai chiều cạnh tương hỗ và độc đoán) quan trọng hơn hiếu thảo với cha mẹ vợ.

Bảng 4: *Hiếu thảo của Nữ giới đối với cha mẹ ruột và cha mẹ chồng (n = 252)*

So sánh theo cặp		Tương quan (r)	M	SD	t (df)	p
Cặp 1	Hiếu thảo tương hỗ: với cha mẹ ruột và với cha mẹ chồng	0,773	6,50	0,48	9,83 (251)	< 0,001
			6,25	0,63		
Cặp 2	Hiếu thảo độc đoán: với cha mẹ ruột và với cha mẹ chồng	0,851	3,50	1,10	9,47 (251)	< 0,001
			3,13	1,12		

Kết quả bảng 4 cho thấy, ở nữ giới, hiếu thảo với cha mẹ ruột và với cha mẹ chồng có tương quan thuận chặt chẽ với nhau, cho thấy nữ giới hiếu thảo với cha mẹ ruột thì cũng hiếu thảo với cha mẹ chồng. Bên cạnh đó, sự khác biệt có ý nghĩa ($p < 0,001$) cho thấy nữ giới đánh giá hiếu thảo với cha mẹ ruột (ở cả hai chiều cạnh tương hỗ và độc đoán) quan trọng hơn hiếu thảo với cha mẹ chồng.

Để trả lời cho câu hỏi thứ hai, chúng tôi tiến hành phân tích mô hình hồi quy tuyến tính, bao gồm các biến dự đoán (hiếu thảo tương hỗ và hiếu thảo độc đoán) và biến kết quả (cảm nhận hạnh phúc).

Bảng 5: *Tác động của hiếu thảo tương hỗ đến cảm nhận hạnh phúc (N = 336)*

Các biến	B	SE	β	t	F	R^2
Hằng số	2,64	0,61		4,28**	5,36**	0,026
Hiếu thảo tương hỗ với cha mẹ ruột	0,06	0,15	0,03	0,40		
Hiếu thảo tương hỗ với cha mẹ vợ/ chồng	0,20	0,11	0,15	1,75		

Ghi chú: ** $p < 0,005$. Biến phụ thuộc: Cảm nhận hạnh phúc.

Kết quả bảng 5 cho thấy Hiếu thảo tương hỗ với cha mẹ ruột và Hiếu thảo tương hỗ với cha mẹ vợ/chồng chỉ có thể dự báo cho 2,6% sự biến thiên của Cảm nhận hạnh phúc theo chiều thuận, nhưng có ý nghĩa thống kê. Trong đó, hệ số chuẩn hóa của Hiếu thảo tương hỗ với cha mẹ ruột ($\beta = 0,03$) thấp hơn rất nhiều so với Hiếu thảo tương hỗ với cha mẹ vợ/chồng ($\beta = 0,15$), cho thấy vai trò quan trọng của Hiếu thảo tương hỗ với cha mẹ vợ/chồng đối với cảm nhận hạnh phúc.

Kết quả bảng 6 cho thấy Hiếu thảo độc đoán với cha mẹ ruột và Hiếu thảo độc đoán với cha mẹ vợ/chồng chỉ có thể dự báo cho khoảng 2% sự biến thiên của Cảm nhận hạnh phúc theo chiều thuận, nhưng có ý nghĩa thống kê. Trong đó, hệ số chuẩn hóa của Hiếu thảo độc đoán với cha mẹ ruột ($\beta = 0,16$) cao hơn rất nhiều so với Hiếu thảo độc đoán với cha mẹ vợ/ chồng ($\beta = -0,003$) trong ảnh hưởng đối với cảm nhận hạnh phúc.

Bảng 6: Tác động của hiếu thảo độc đoán đến cảm nhận hạnh phúc ($N = 336$)

Các biến	B	SE	β	t	F	R^2
Hằng số	3,85	0,16		23,53**	4,19**	0,019
Hiếu thảo độc đoán với cha mẹ ruột	0,13	0,08	0,16	1,59		
Hiếu thảo độc đoán với cha mẹ vợ/chồng	- 0,002	0,07	- 0,003	- 0,03		

Ghi chú: ** $p < 0,005$. Biến phụ thuộc: Cảm nhận hạnh phúc.

4. Bàn luận

Những người con trưởng thành cho rằng hiếu thảo tương hỗ thể hiện sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ cha mẹ quan trọng hơn so với hiếu thảo độc đoán thể hiện nghĩa vụ, sự phục tùng, và sự tuân thủ quyền tuyệt đối của cha mẹ. Điều này cũng phù hợp với thực tế xã hội Việt Nam trong khoảng ba thập niên trở lại đây, trong bối cảnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, những người con trưởng thành có xu hướng độc lập và tự chủ hơn (Lê Ngọc Văn, 2011). Trong nghiên cứu này, gần 60% khách thể sống riêng trong gia đình hạt nhân (xem bảng 1) cũng phản ánh xu hướng độc lập của những người con trưởng thành sau kết hôn. Kết quả nghiên cứu của Lê Văn Hào cũng cho thấy, con cái vẫn luôn yêu thương cha mẹ nhưng không bắt buộc phải nghe lời cha mẹ như trước kia, họ có thể độc lập hơn trong tư duy và hành động của mình (Lê Văn Hào, 2016).

Hiếu thảo với cha mẹ ruột và với cha mẹ vợ/ chồng có tương quan chặt chẽ với nhau. Điều này cho thấy những người con hiếu thảo với cha mẹ ruột thì cũng hiếu thảo với cha mẹ vợ/chồng. Việc cả nam và nữ đều có điểm số thang đo hiếu thảo với cha mẹ ruột cao hơn hiếu thảo với cha mẹ vợ/chồng thể hiện sự bình đẳng nam nữ trong nghĩa vụ hiếu thảo của những người con trưởng thành - bất kể là nam hay nữ - sau khi kết hôn - đối với những người đã sinh thành và nuôi dưỡng mình.

Hiếu thảo tương hỗ với cha mẹ vợ/chồng có hệ số tác động đến cảm nhận hạnh phúc mạnh hơn nhiều so với Hiếu thảo tương hỗ với cha mẹ ruột, trong khi Hiếu thảo độc đoán với cha mẹ ruột lại có hệ số tác động đến cảm nhận hạnh phúc mạnh hơn nhiều so với Hiếu thảo độc đoán với cha mẹ vợ/chồng là một kết quả nghiên cứu ban đầu, rất cần có những nghiên cứu sâu hơn theo hướng này để thấy được nhiều chiều cạnh của các mối quan hệ gia đình. Rất có thể sau khi kết hôn, những người con hiểu rõ hơn về sự vất vả và công lao của cha mẹ ruột, họ cảm thấy có nghĩa vụ bắt buộc và trách nhiệm hiếu thảo (đặc trưng của hiếu thảo độc đoán) đối với cha mẹ ruột nhiều hơn. Trong khi những người con rể, con dâu có thể không cảm thấy nghĩa vụ bắt buộc và trách nhiệm hiếu thảo (đặc trưng của hiếu thảo độc đoán) lớn như vậy đối với cha mẹ vợ/chồng (những người mới xuất hiện trong cuộc đời họ sau khi kết hôn). Vì vậy chỉ có sự quan tâm, yêu thương, giúp đỡ chân thành (đặc trưng của hiếu thảo tương hỗ) đối với cha mẹ vợ/chồng mới có tác động tích cực đến cảm nhận hạnh phúc của những người con dâu, con rể.

5. Kết luận

Đa số những người tham gia nghiên cứu tán thành với khía cạnh hiếu thảo tương hỗ hơn khía cạnh hiếu thảo độc đoán. Bên cạnh sự tương quan thuận chặt chẽ giữa hiếu thảo với cha mẹ ruột và với cha mẹ vợ/chồng, những người con trưởng thành đánh giá cao tầm quan trọng của hiếu thảo với cha mẹ ruột hơn. Tác động của hiếu thảo với cha mẹ đến cảm nhận hạnh phúc của những người con trưởng thành không mạnh, nhưng có một điểm khác biệt là hiếu thảo tương hỗ đối với cha mẹ vợ/chồng ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của những người con rể, con dâu cao hơn so với hiếu thảo độc đoán; trong khi hiếu thảo độc đoán đối với cha mẹ ruột ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của những người con ruột cao hơn so với hiếu thảo tương hỗ.

Kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy sự đan xen nhiều chiều của hiếu thảo với cha mẹ ruột và cha mẹ vợ/chồng, cũng như ảnh hưởng của nó đến cảm nhận hạnh phúc của những người con trưởng thành sau khi kết hôn.

Hạn chế của nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo

Phương pháp chọn mẫu thuận tiện, số lượng nam giới ít hơn nữ giới, khách thể là những người đang học đại học ở Hà Nội, khiến cho kết quả nghiên cứu có thể không phản ánh chính xác bức tranh thực tiễn nói chung. Trong nghiên cứu này, tác động trực tiếp của hiếu thảo với cha mẹ đến cảm nhận hạnh phúc của những người con trưởng thành là tích cực nhưng khá yếu. Rất có thể hiếu thảo với cha mẹ ít tác động trực tiếp nhưng có ảnh hưởng gián tiếp đến cảm nhận hạnh phúc của những người con thông qua các biến trung gian như sự gắn kết gia đình; mối quan hệ gắn bó hỗ trợ lẫn nhau trong gia đình; cảm giác thuộc về một gia đình, dòng họ; sự thành đạt cá nhân. Những nghiên cứu tiếp theo có thể tìm hiểu sâu hơn những tác động gián tiếp này.

Tài trợ nghiên cứu: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 501.01 2024.07 do PGS.TS. Trịnh Thị Linh làm chủ nhiệm.

Tài liệu tham khảo

- Bedford, O., & Yeh, K. H. (2019). The history and the future of the psychology of filial piety: Chinese norms to contextualized personality construct. *Frontiers in Psychology*, 10, 100.
- Chen, W. W. (2014). The relationship between parenting style, filial piety, and life satisfaction in Hong Kong. *Journal of Family Psychology*, 28, 308-314. <https://doi.org/10.1037/a0036819>.
- Hwang, K. K. (1999). Filial piety and loyalty: Two types of social identification in Confucianism. *Asian Journal of Social Psychology*, 2, 163-183. <https://doi.org/10.1111/1467-839X.00031>.
- Ikels, C. (2004). Introduction. In C. Ikels (Ed.), *Filial piety: Practice and discourse in contemporary East Asia* (pp. 1-15). Stanford, CA: Stanford University Press.
- Keyes C. L. M. (2002). The Mental Health Continuum: From languishing to flourishing in life. *Journal of Health and Social Behavior*, 43(2), 207-222.
- Lê Ngọc Văn. (2011). *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam* (sách chuyên khảo). Hà Nội: Khoa học Xã hội Việt Nam.
- Lê Văn Hào. (2016). Bồn phân và kỳ vọng về hiếu thảo: Quan điểm của thanh niên và người già ở Hà Nội. *Tạp chí Tâm lý học*, 6, 16-28.
- Lee, R. P. L., Yu, E., Sun, S., & Liu, W. T. (2000). Living arrangements and elderly care: The case of Hong Kong. In W. T. Liu & H. Kendig (Eds.). *Who should care for the elderly: An East-West value*

- divide* (pp. 269-296). Singapore: Singapore University Press, National University of Singapore and World Scientific.
- Li, W. W., Singh, S., & Keerthigha, C. (2021). A Cross-Cultural Study of Filial Piety and Palliative Care Knowledge: Moderating Effect of Culture and Universality of Filial Piety. *Frontiers in psychology*, 12, 787724. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2021.787724>.
- Liu, W. T., & Kendig, H. (2000). Critical issues of caregiving: East-west dialogue. In W. T. Liu & H. Kendig (Eds.), *Who should care for the elderly: An East-West value divide* (pp. 1-23). Singapore: Singapore University Press. National University of Singapore and World Scientific.
- Mai Van Hai (2018). Family values of Vietnamese living in Vietnam and Poland. *Acta Universitatis Lodzensis, Folia Psychologica*, 22. <http://dx.doi.org/10.18778/1427-969X.22.04>.
- Miller, E. T. (2004). Filial daughters, filial sons: Comparisons from Rural North China. In C. Ikels (Ed.), *Filial piety, practice and discourse in contemporary East Asia* (pp. 34-52). Stanford: Stanford University Press.
- Ng, A. C. Y., Phillips, D. R., & Lee, W. K. (2002). Persistence and challenges to filial piety and informal support of older persons in a modern Chinese society: A case study. *Journal of Aging Studies*, 16, 135-153. Hong Kong: Pergamon.
- Shi, L. (2009). Little quilted vests to warm parents' hearts: Redefining the gendered practice of filial piety in rural north-eastern China. *The China Quarterly*, 198, 348-363.
- Trương Thị Khánh Hà. (2015). Cảm nhận hạnh phúc chủ quan của người trưởng thành Việt Nam. *Tạp chí Tâm lý học*, 11, 34-48.
- Trương Thị Khánh Hà. (2025). Nghiên cứu lòng hiếu thảo bằng thang đo hiếu thảo kép - DFPS. *Tạp chí Xã hội học và Tâm lý học - Tâm lý học*, 2(2), 3-11.
- Wang, D. (2004). Ritualistic coresidence and the weakening of filial practice in Rural China. In C. Ikels (Ed.), *Filial piety, practice and discourse in contemporary East Asia* (pp. 16-33). Stanford: Stanford University Press.
- Yeh, K. H. (2009) The dual filial piety model in Chinese culture: Retrospect and prospects. *Indigenous Psychological Research in Chinese Societies*, 32, 101-148.
- Yeh, K. H., & Bedford, O. (2003). Filial piety: a test of the Dual Filial Piety model. *Asian Journal of Social Psychology*, 6, 215-228. <https://doi.org/10.1046/j.1467-839X.2003.00122.x>.
- Yu, E., Shilong, L., Zehuai, W., & Lie, W. T. (2000). Caregiving survey in Guangzhou: A preliminary report. In W. T. Liu & H. Kendig (Eds.), *Who should care for the Elderly: An East-West value divide* (pp. 322-338). Singapore: Singapore University Press, National University of Singapore and World Scientific.